

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2018

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thức

2. Ông Ngô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Hạ Thị Huỳnh G, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt có đơn)

2. *Bị đơn:* anh Hồ Thanh T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, bản tự khai ngày 15/5/2018, biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2015 nguyên đơn chị Hạ Thị Huỳnh G trình bày:

Chị G và anh Hồ Thanh T tổ chức lễ cưới vào năm 2012, hôn nhân xây dựng trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre ngày 05/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ăn chơi, rượu chè, mượn nợ bên ngoài gây nợ nần về nhà bán tài sản trả nợ nên làm cho chị hụt hẫng, từ đó

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cự cãi. Năm 2016, chị nộp đơn xin ly hôn với anh T đến Tòa án nhưng anh T và mẹ chồng năn nỉ nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn. Sau khi hàn gắn anh T có sửa đổi chịu đi làm nhưng đi làm mấy tháng mới mang tiền về và anh T vẫn thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, rượu chè, đi chơi đến 11 – 12 giờ đêm mới về nhà, nhiều lần về nhà trong tình trạng say rượu rồi chửi mắng, đánh đập chị. Chị đã cho anh T nhiều cơ hội sửa đổi nhưng anh T vẫn không sửa đổi được. Đến ngày 01/5/2018, vợ chồng xảy ra cự cãi, chị về sống tại nhà mẹ ruột, vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị nhận thấy chị và anh T có quá nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 con chung là cháu Hồ Huỳnh M, sinh ngày 13/01/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu M sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không tranh chấp.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2018 bị đơn anh Hồ Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị G tổ chức lễ cưới năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G ngày 05/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến tháng 5/2018, khi vợ chồng về nhà mẹ vợ dự đám giỗ thì có người bạn nữ điện thoại cho anh nhưng chị G bắt máy, sau đó chị G ghen tuông nên vợ chồng xảy ra cự cãi, anh ném điện thoại xuống ao rồi kêu bạn đến chở về nhà. Sau sự việc trên chị G cùng mẹ vợ về nhà anh, chị G thu gom quần áo rồi về nhà mẹ vợ sống đến nay, anh có điện thoại để nói chuyện hòa giải nhưng chị G không bắt máy. Anh thấy giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng do tính chị G cố chấp nên anh có giải thích chị G cũng không tin. Nay anh vẫn còn thương vợ nên chị G yêu cầu ly hôn là anh không đồng ý.

Về con chung: trong thời gian chung sống anh và chị G có 01 con chung là Hồ Huỳnh M, sinh ngày 13/01/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu M sống cùng chị G. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không tranh chấp.

Về nợ chung: không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy

định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 và điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: chị G và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của G và anh T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải được, chị G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T cho rằng còn thương vợ nhưng không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: cháu Hồ Huỳnh M, sinh ngày 13/01/2013, chị G và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay cháu M còn nhỏ và đang sống ổn định cùng chị G, chị G có việc làm và thu nhập ổn định có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị G là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G. Do chị G tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Do hai bên không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hạ Thị Huỳnh G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hồ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Hạ Thị Huỳnh G và anh Hồ Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G ngày 05/12/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp.

[2.1] Xét thấy, chị G cho rằng trong thời gian chung sống anh T không quan tâm đến vợ con mà chỉ lo ăn chơi, rượu chè chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T vẫn

không sửa đổi. Anh T cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ do hiểu nhầm nhưng chị G không tin tưởng anh nên không nghe anh giải thích. Và hai bên xác định từ tháng 5/2018 vợ chồng đã sống ly thân đến nay.

[2.2] Xét thấy, mặc dù chị G và anh T chưa hoàn toàn thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị G xin ly hôn. Nhưng cả hai đều xác định giữa vợ chồng đã tồn tại mâu thuẫn nhưng không thể dung hòa được với nhau nên từ tháng 5/2018 vợ chồng sống ly thân đến nay và trong thời gian sống ly thân cả hai đều không có thiện chí để hàn gắn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung.

[2.3] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình và giữa vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc nhau nhưng chị G và anh T đã không làm được những điều trên. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị G và anh T lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị G xin ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hồ Huỳnh M sinh ngày 13/01/2013. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị G và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù anh T có việc làm và thu nhập ổn định nhưng thời gian đi làm của anh T không ổn định (có khi làm ca đêm), hơn nữa anh T sống một mình, cha mẹ đi mua bán tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không có người hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Bên cạnh đó, hiện cháu M còn nhỏ và đang sống ổn định cùng chị G, chị G có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu M. Do đó, xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị G phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị G tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không tranh chấp.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ chị Hạ Thị Huỳnh G phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về

án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Hạ Thị Huỳnh G ly hôn với anh Hồ Thanh T.

2. Về con chung: chị Hạ Thị Huỳnh G có quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hồ Huỳnh M sinh ngày 13/01/2013. Ghi nhận chị Hạ Thị Huỳnh G tự nguyện không yêu cầu anh Hồ Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Hạ Thị Huỳnh G phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016097 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị G đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Nhi

